

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trước sự phân hóa đan xen giữa các nhóm ngành

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL VN30F2307 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

DPM, SSB

## [Vĩ mô/Chiến lược]

Điều kiện sản xuất toàn cầu tiếp tục suy giảm

## [Cập nhật công ty]

PNJ

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó

05/07/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIIndex	1,134.62	+0.23
VN30	1,129.76	+0.16
HĐTL VN30F1M	1,124.00	+0.09
HNXIndex	227.84	-0.40
HNX30	436.85	-0.29
UPCoM	85.41	-0.14
USD/VND	23,753	+0.18
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.66	-1
Lãi suất qua đêm (%)	0.73	+19
Dầu (WTI, \$)	70.83	+1.49
Vàng (LME, \$)	1,927.89	+0.13



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,134.62 (+0.23%)  
**KLGD (triệu CP)** 744.8 (+20.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 724.1 (+17.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm nhẹ trước sự phân hóa đan xen giữa các nhóm ngành với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại HPG (+2.7%), TCM (-2.1%) và DGC (+2.8%)

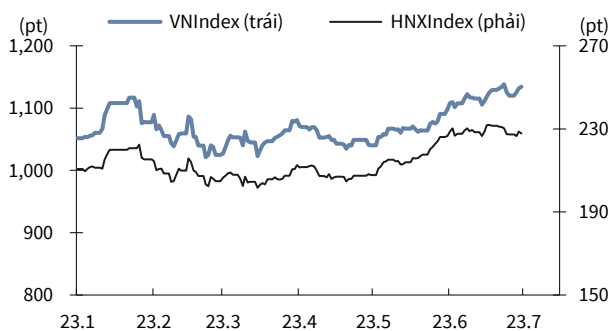
**HNXIndex** 227.84 (-0.40%)  
**KLGD (triệu CP)** 90.3 (-29.1%)  
**GTGD (triệu US\$)** 57.8 (-11.9%)

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính vừa ký ban hành Công điện số 610/CP-TTg ngày 03/7/2023 về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo. Cổ phiếu ngành lúa gạo tăng giá ở LAF(+6.35%), VSF(+1.27%).

**UPCoM** 85.41 (-0.14%)  
**KLGD (triệu CP)** 45.2 (-24.8%)  
**GTGD (triệu US\$)** 28.1 (+7.9%)

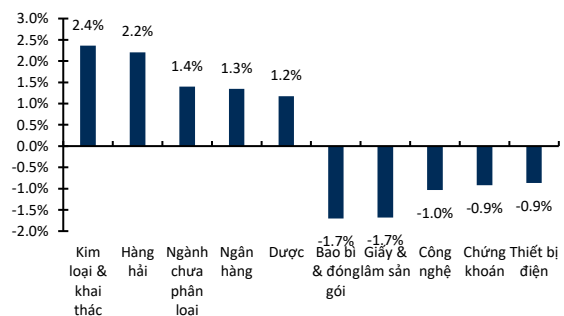
Xuất khẩu tôm sang Mỹ trong tháng 5/2023 đạt 68 triệu USD, mức cao nhất kể từ đầu năm tới nay. Tuy vẫn còn giảm 31% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng đây cũng là mức sụt giảm nhẹ nhất so với các tháng trước đó. Cổ phiếu ngành thủy sản tăng giá ở VHC (+0.42%), IDI (+3%).

## VNIndex & HNXIndex



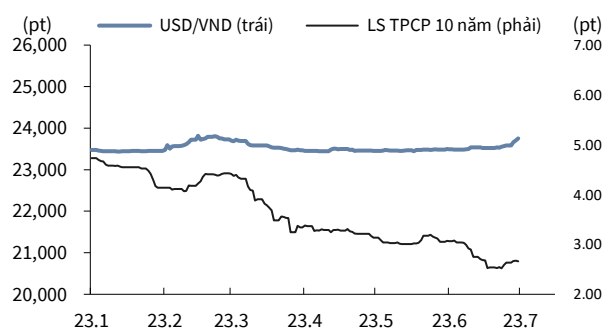
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

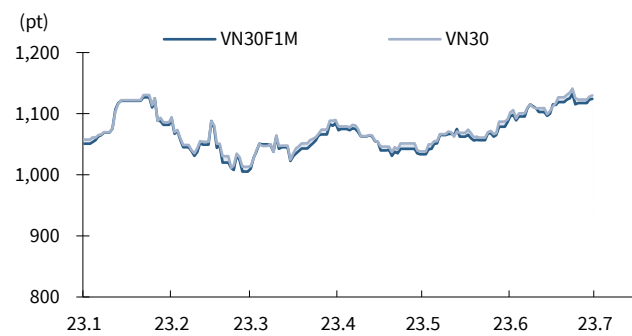
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,129.76 (+0.16%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,124.0 (+0.09%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,123.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,130.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,122.7</b>

HĐTL VN30F2307 tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức -4.7 điểm, sau đó biến động giằng quanh mức -5.95 điểm và đóng cửa tại -5.76 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

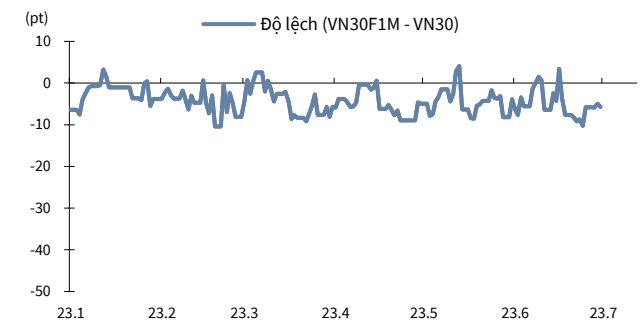
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>135,649 (-15.2%)</b>
------------------	-------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



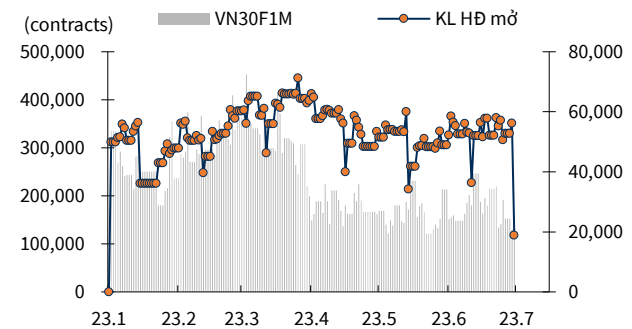
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



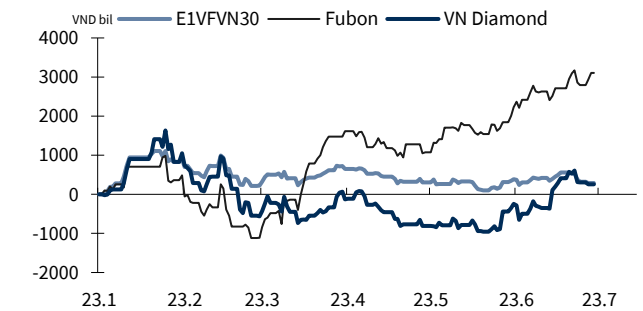
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

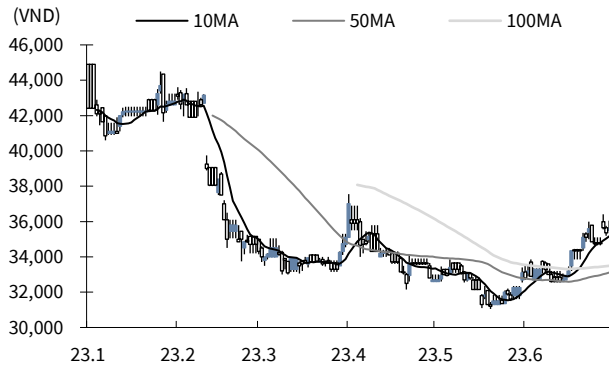
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)

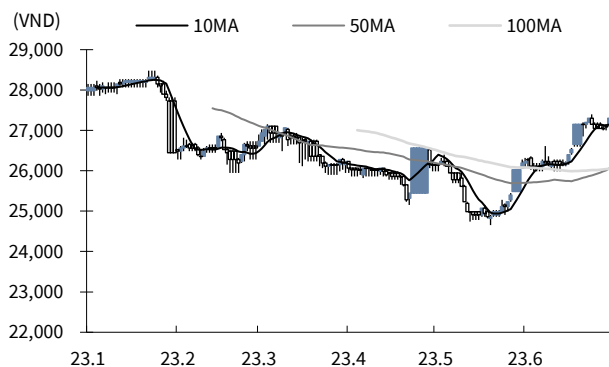


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPM tăng 0.7% lên 35,600 VND/cp

- Theo ước tính tại Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí, lợi nhuận sau thuế quý 2 đạt 328 tỷ đồng, giảm 75% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế ước tính sau 6 tháng, DPM báo lãi sau thuế 590 tỷ đồng - giảm gần 83% so với mức 3,465 tỷ đồng đạt được trong cùng kỳ năm 2022.

## Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SSB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SSB tăng 0.7% lên 27,300 VND/cp

- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á vừa công bố thông tin về việc triển khai chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể, SeABank sẽ phát hành thêm tối đa 94.6 triệu cổ phiếu, tương đương 4.64% lượng cổ phiếu SSB đang lưu hành. Theo đó, đối tượng chào bán của SeABank dự kiến là quỹ Norfund. Sau phát hành, vốn điều lệ của SeABank dự kiến sẽ tăng lên 25,483 tỷ đồng.

COMPANY REPORT



# CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)

## KQKD duy trì ổn định, kỳ vọng bứt phá cuối năm

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang  
Giangnt1@kbsec.com.vn

22/06/2023

### KQKD 1Q2023 lập đỉnh lợi nhuận bất chấp những khó khăn của nền kinh tế

Kết thúc 1Q2023, PNJ đạt doanh thu thuần 9,795 tỷ đồng giảm nhẹ 3% yoy, dù sức mua chung vẫn khá yếu nhưng bù lại Q1 là khoảng thời gian có ngày Vía Thần tài và rất nhiều ngày lễ nên PNJ gần như vẫn giữ được doanh số. Biên LNG tăng từ 17.2% lên 19.2% nhờ chiến lược cơ cấu hàng hoá và tối ưu hàng tồn kho. LNST đạt kỷ lục 749 tỷ đồng tăng 4% yoy, hoàn thành 38.8% kế hoạch.

### Bán lẻ trang sức tiếp tục duy trì kết quả khả quan trong khi các mảng khác suy giảm chung

Doanh thu bán lẻ trang sức 1Q2023 tiếp tục duy trì tương đương với mức kỷ lục trong năm 2022 dù cho sức mua chung toàn nền kinh tế suy giảm và 1Q2022 cũng là quý nhu cầu dồn nén mạnh sau đại dịch. Trong khi đó doanh thu bán sỉ giảm 19.2% yoy cho thấy sự khó khăn của các doanh nghiệp vàng bạc khác, doanh thu vàng miếng giảm nhẹ 3% yoy do đây vẫn là tài sản phòng thủ ưa thích của người dân. Nhờ chiến lược cơ cấu hàng hoá và quản trị hiệu quả hàng tồn kho, biên LNG toàn công ty cũng đã cải thiện đáng kể.

### Bước vào mùa thấp điểm KQKD giảm mạnh, dự báo hồi phục vào dịp cuối năm

KQKD các tháng gần đây cho thấy sự suy giảm doanh số của PNJ khi bước vào mùa thấp điểm hơn nữa sức mua cũng chưa thực sự phục hồi. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng sức mua sẽ hồi phục vào thời điểm cuối năm nhờ (1) mùa cao điểm cưới, ngày lễ (2) ngành bán lẻ hưởng lợi từ hồi phục kinh tế nói chung.

### Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu 86,600 VND

Chúng tôi dự phóng KQKD năm 2023 của PNJ với doanh thu thuần đạt 33,720 tỷ đồng (-0.5% yoy), LNST đạt 1,789 tỷ đồng (-1% yoy). Chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ với giá mục tiêu 86,600 VND/cổ phiếu.

## MUA DUY TRÌ

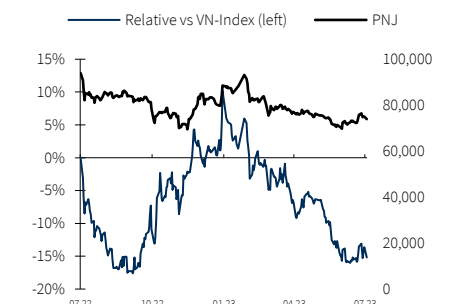
<b>Giá mục tiêu</b>	<b>86,600 VND</b>
Tăng/giảm (%)	16%
Giá hiện tại (22/6/2023)	74,500VND
Giá mục tiêu đồng thuận	90,300VND
Vốn hóa (nghìn tỷ VND/tỷ USD)	24.2/1.02

<b>Dữ liệu giao dịch</b>	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	48.4%
GDTB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	60.81/2.6
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	VIETFUND (9.2%)

<b>Biến động giá cổ phiếu</b>				
(%)	<b>1M</b>	<b>3M</b>	<b>6M</b>	<b>12M</b>
Tuyệt đối	1	-3	-16	-21
Tương đối	-2	-7	-24	-15

### Dự phóng KQKD & định giá

	2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	19,613	33,876	33,720	38,130
Lãi/lỗ từ hoạt động kinh doanh	1,305	2,338	2,268	2,822
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1,033	1,811	1,789	2,228
EPS (nghìn VNĐ)	4,161	7,358	5,452	9,049
Tăng trưởng EPS (%)	-3.4%	75.3%	-1.2%	24.5%
P/E (x)	23.5	13.4	13.5	10.9
P/B (x)	4.0	2.9	2.6	2.2
ROE (%)	17%	25%	20%	22%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	-8%	15%	20%	20%



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Điều kiện sản xuất toàn cầu tiếp tục suy giảm

## PMI sản xuất tại Việt Nam tiếp tục thấp dưới 50 bốn tháng liền tiếp

- Nhu cầu suy giảm trên toàn cầu và tình trạng thiếu điện đã làm cho chỉ số PMI sản xuất tại Việt Nam đạt 46.2 trong tháng 6, giảm 4 tháng liền tiếp. Cả sản lượng, số lượng đơn hàng mới đều giảm khiến cho các nhà sản xuất đối phó bằng việc cắt giảm lao động và giảm dự trữ tồn kho. Đồng thời, cạnh tranh cao và nhu cầu tiêu thụ yếu cũng làm giá và thời gian giao hàng giảm đi đáng kể.
- KBSV dự báo tình hình sản xuất tại Việt Nam thời gian tới sẽ vẫn suy giảm nhẹ trong thời gian tới do (1) áp lực cạnh tranh lớn từ các nhà sản xuất nước ngoài và (2) các chính sách hỗ trợ cần có thời gian để tác động tới thị trường. Ở chiều ngược lại, tiêu dùng tích cực hơn trên toàn cầu là động lực giúp tình hình sản xuất cải thiện. Số liệu xuất khẩu quý II có sự hồi phục nhẹ so với quý I (sau khi giảm 4 quý liền tiếp trước đó), củng cố kỳ vọng tình hình sản xuất có thể bớt ảm đạm hơn trong các tháng tới.

## Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu tháng 6 giảm còn 48.8

- Mới đây, S&P Global mới công bố dữ liệu PMI sản xuất cho thấy tình hình kinh tế kém khả quan. Chỉ số PMI sản xuất toàn cầu giảm còn 48.8 từ mức 49.6 trong 3 tháng gần nhất, đánh dấu tháng thứ 10 liền tiếp điều kiện sản xuất bị thu hẹp và là mức thấp nhất kể từ đầu năm.
- Chỉ số niềm tin người tiêu dùng và doanh số bán lẻ ở nhiều khu vực đang có sự cải thiện tích cực, KBSV dự báo tình hình sản xuất toàn cầu trong thời gian tới sẽ có phân hóa, cụ thể sẽ chứng kiến sự tăng trưởng tại Ấn Độ và Nhật Bản; sự cải thiện ở Trung Quốc và tiếp tục suy giảm nhẹ tại khu vực EU và Mỹ.

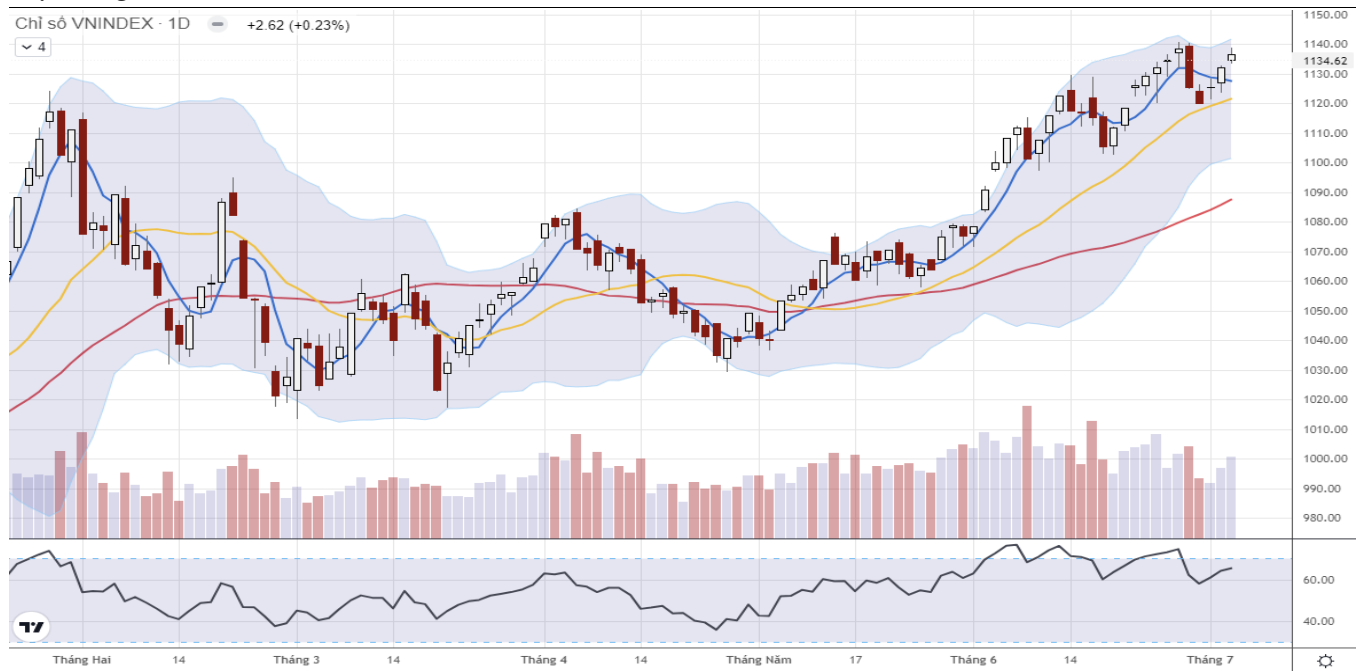
## Chỉ 11 trên 29 quốc gia ghi nhận PMI tăng trưởng

- Phần lớn các quốc gia ghi nhận PMI sản xuất lớn hơn 50 nằm ở châu Á, dẫn đầu là Ấn Độ (57.8), Thái Lan (53.2) và Nga (52.6). Ở chiều ngược lại, Áo (39), Đức (40.6) và Cộng hòa Séc (40.8) có PMI thấp nhất.
- Các nền kinh tế lớn khác cũng cho thấy dấu hiệu tiêu cực: Tại Mỹ, chỉ số PMI sản xuất thấp nhất trong 6 tháng, đạt 46.3 trong bối cảnh cả sản lượng và đơn đặt hàng mới đều giảm. Điều này còn trầm trọng hơn tại khu vực EU khi áp lực từ lạm phát cao và chính sách điều hòa từ ECB khiến chỉ số PMI sản xuất chỉ đạt 43.4. Ở hướng tích cực, công xưởng của thế giới – Trung Quốc ghi nhận PMI sản xuất đạt 50.5, cao hơn dự đoán của thị trường nhưng dữ liệu gần đây cho thấy sự phục hồi của Trung Quốc vẫn chưa ổn định.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

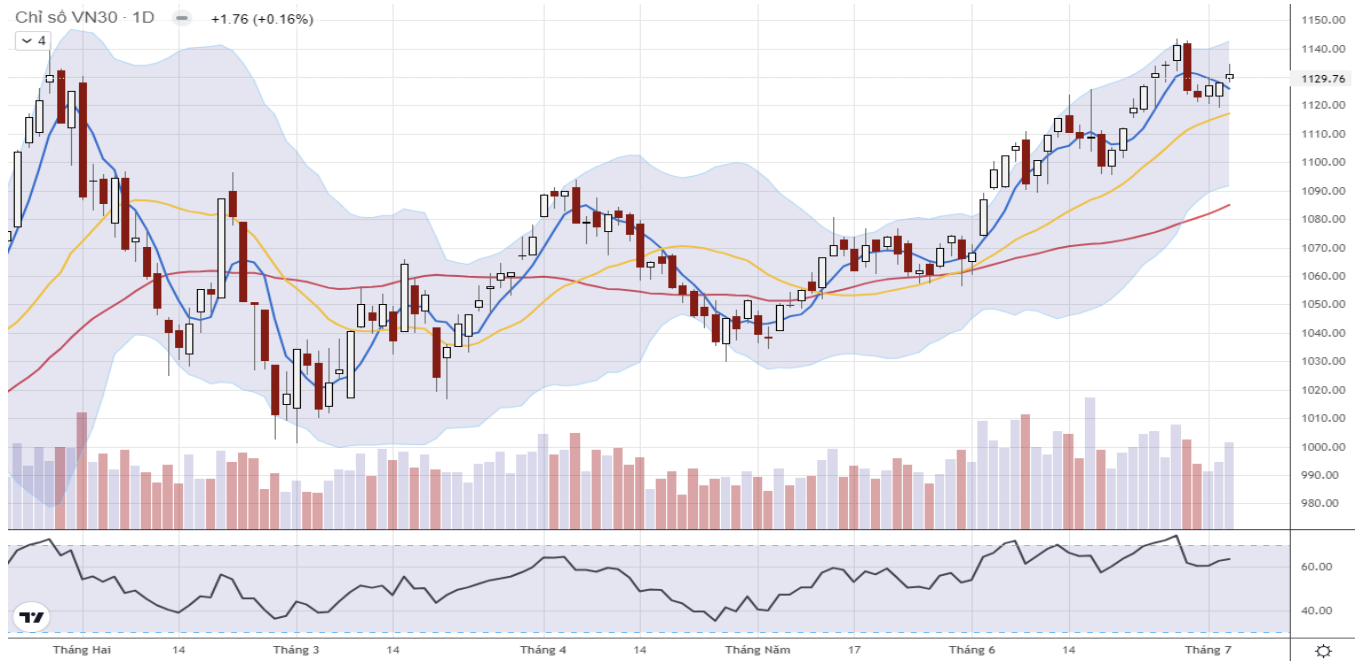


Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

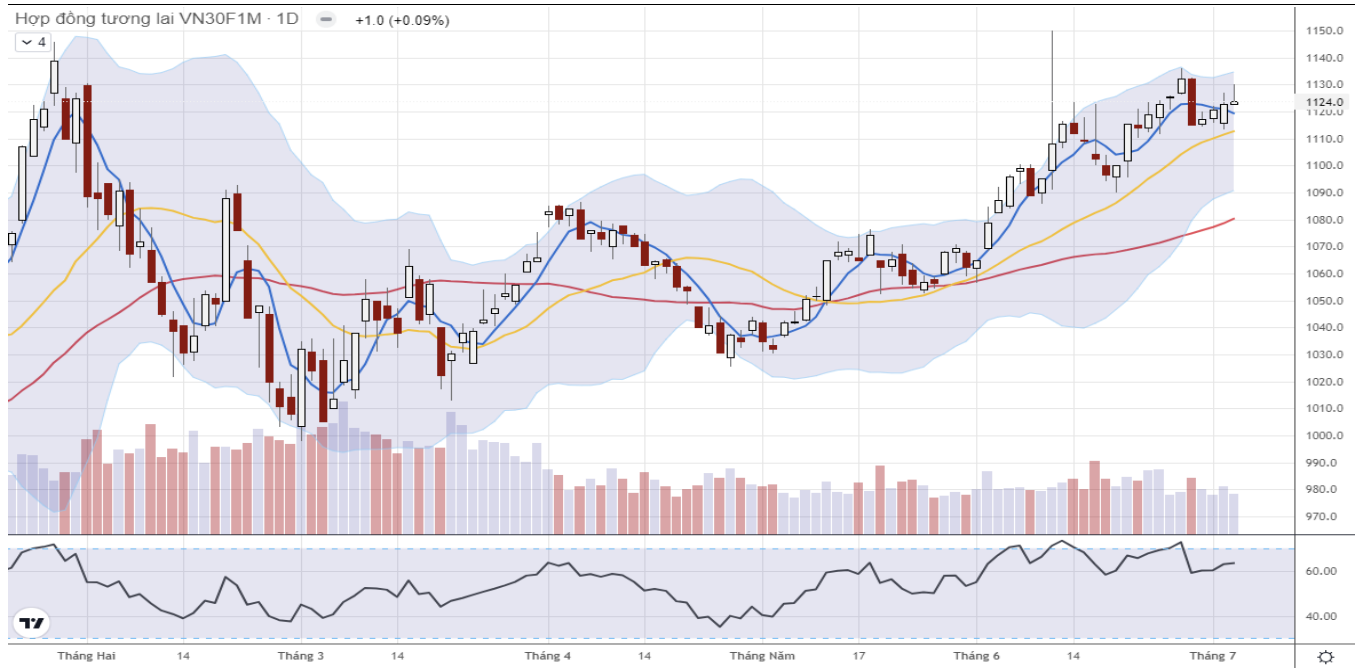
- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex tăng điểm với biên độ mở rộng trước khi dần suy yếu về cuối phiên.
- Áp lực chốt lời một lần nữa gia tăng quanh ngưỡng kháng cự đáng lưu ý quanh 1140 đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn trong các phiên tới, vùng hỗ trợ gần quanh 1120, tương ứng MA20, được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1132 – 1135

Kháng cự gần: 1126 – 1128

Hỗ trợ gần: 1119 – 1121

Hỗ trợ xa: 1110 – 1112

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 tăng điểm với biên độ mở rộng trước khi dần suy yếu về cuối phiên.
- Việc hình thành mẫu nến inverted hammer cho thấy áp lực từ bên bán đang có phần chiếm ưu thế quanh ngưỡng kháng cự gần 1135 và khiến cho đà tăng điểm của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ còn tiếp diễn trong các phiên tới, vùng hỗ trợ gần quanh 1120, tương ứng MA20, được kỳ vọng sẽ đóng vai trò điểm đỡ đáng lưu ý của F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại kháng cự nhưng đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên SHORT tại kháng cự nhưng đặt STOP chặt.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

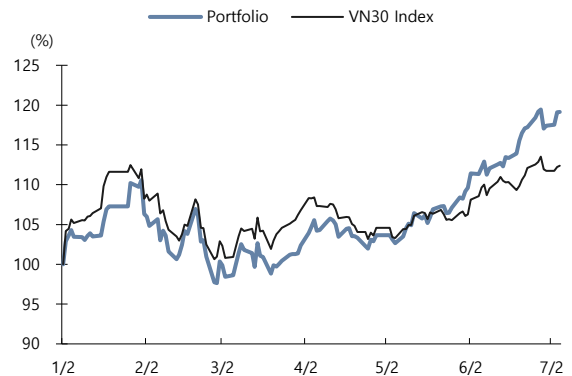
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.16%	0.04%
Tăng lũy kế (YTD)	12.39%	19.14%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 05/07/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,350	0.2%	12.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	26,200	-1.1%	25.1%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,700	-0.4%	28.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,100	-0.3%	2.8%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	23,250	2.0%	36.0%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	74,800	-1.1%	254.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,550	0.3%	56.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	94,300	-0.8%	28.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	26,950	2.7%	142.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	29,500	-1.0%	187.1%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	2.7%	25.7%	120.5
TCM	-2.1%	47.2%	83.2
DGC	2.8%	14.6%	50.1
GEX	-3.1%	11.0%	32.4
CTG	0.3%	27.2%	22.0

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCB	2.0%	23.6%	-53.8
FUEVFNVD	0.4%	96.6%	-49.4
PNJ	-0.4%	48.8%	-44.8
VPB	0.5%	17.0%	-42.4
E1VFN30	0.8%	91.4%	-28.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	1.0%	18.9%	1.1
VCS	2.8%	2.9%	0.8
APS	-9.5%	0.8%	0.3
IDJ	-9.3%	0.7%	0.2
PVI	1.0%	59.7%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.0%	20.8%	-2.1
BVS	0.0%	5.6%	-1.0
NVB	0.7%	8.5%	-0.7
PGS	1.5%	0.0%	-0.6
PVG	1.0%	5.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	5.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	5.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Cung cấp và dịch vụ thương mại	5.0%	TLG, ILB, APC, ST8
Hóa chất	2.4%	GVR, DGC, DPM, DCM
Bao bì & đóng gói	2.1%	TDP, SVI, MCP, TPC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-4.4%	DHC, HAP, HHP, VID
Đồ gia dụng	-2.2%	TTF, GDT, EVE, SAV
Vận tải hàng không & Logistics	-2.0%	TMS, SCS, STG, ASG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.3%	TNH, JVC, VMD
Xây dựng và kỹ thuật	-1.2%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	23.2%	HPG, HSG, NKG, KSB
Hàng hải	22.7%	VSC, VOS, SKG, VTO
Dược	14.0%	DHG, IMP, TRA, DBD
Sản phẩm xây dựng	12.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Bán lẻ hàng chuyên dụng	10.4%	MWG, FRT, CTF, HAX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	-2.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng không dân dụng	-1.8%	VJC, HVN
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-1.6%	TNH, JVC, VMD
Đồ gia dụng	-1.5%	TTF, GDT, EVE, SAV
Tiện ích điện	-1.5%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	101,723 (4.3)	22.5	68.8	62.9	14.7	2.5	2.7	1.7	1.7	-0.6	-2.3	-2.1	-5.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	92,963 (3.9)	26.6	7.9	7.4	35.9	19.4	17.7	1.4	1.2	-0.7	1.3	4.5	16.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	98,105 (4.2)	17.8	15.8	14.2	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	1.1	0.7	1.5	4.6
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	557,806 (23.7)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	0.8	0.8	-1.0	-5.8	8.9	5.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	74,189 (3.2)	11.6	23.4	16.2	13.7	8.1	11.3	1.8	1.6	1.2	-2.2	3.0	16.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	273,140 (11.6)	13.9	44.5	34.7	-	2.3	2.9	1.0	1.0	-1.0	-2.6	3.4	18.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	89,715 (3.8)	6.3	14.5	12.9	11.7	22.3	20.2	2.9	2.4	2.0	0.9	4.1	27.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	53,515 (2.3)	12.7	12.4	9.2	-5.3	20.3	20.6	2.0	1.6	0.8	-2.2	-0.8	14.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	139,843 (5.9)	0.0	5.8	4.9	14.3	15.9	15.9	0.9	0.7	-0.2	-4.1	0.2	23.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	153,501 (6.5)	1.4	8.8	7.3	50.3	16.1	17.5	1.1	1.0	0.3	-1.5	2.8	8.4
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	313,918 (13.3)	0.0	9.7	7.0	18.8	11.6	14.0	1.1	1.0	0.5	-1.5	1.0	11.5
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	238,068 (10.1)	0.0	4.8	4.3	14.6	23.5	22.1	1.0	0.8	0.2	-1.4	3.0	19.3
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	43,135 (1.8)	4.2	5.0	4.7	23.3	22.9	20.4	1.1	0.9	-0.5	-1.6	-3.1	15.7
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	457,147 (19.4)	14.0	8.0	5.0	26.5	18.6	24.0	1.2	1.0	0.2	0.0	6.6	32.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	96,676 (4.1)	0.0	4.8	4.2	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	-0.3	-1.9	-3.5	19.7
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	165,178 (7.0)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	-0.5	-2.9	-2.2	-13.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	42,229 (1.8)	21.0	16.0	14.7	15.8	10.0	10.3	1.6	1.5	-0.6	-0.8	0.7	-3.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,795 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.0	-0.8	-2.2	13.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	513,996 (21.8)	55.4	15.1	13.5	-3.2	11.3	11.9	1.6	1.4	-1.1	-1.3	8.7	48.0
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	196,708 (8.4)	71.9	16.8	14.8	-4.0	15.0	15.6	2.4	2.2	-1.3	3.3	14.3	68.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	190,789 (8.1)	52.4	18.2	16.6	-19.0	10.3	10.2	1.7	1.6	-0.8	1.7	10.1	47.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	624,795 (26.6)	27.2	13.8	13.7	36.3	12.2	11.5	1.6	1.5	-1.5	-1.3	6.9	43.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	355,548 (15.1)	42.1	16.8	15.4	4.0	28.9	31.1	4.5	4.3	-1.1	-1.1	5.0	-8.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,081 (0.9)	36.9	20.3	18.4	7.3	21.6	22.0	3.8	3.9	0.1	-0.6	-3.5	-7.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	105,101 (4.5)	16.5	32.2	16.1	-51.9	8.0	12.9	3.8	2.9	0.3	-1.6	2.3	-18.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,637 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.3	1.0	0.5	-5.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,020 (3.1)	11.0	81.5	44.3	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.2	-0.6	-2.6	-13.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	42,020 (1.8)	10.8	10.6	16.9	-57.0	24.8	12.1	1.9	1.8	0.6	2.1	3.5	18.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	205,311 (8.7)	38.4	14.9	12.1	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	-1.3	0.8	4.2	43.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	418,541 (17.8)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-3.0	-2.1	9.8	54.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	43,283 (1.8)	3.6	25.6	21.5	-52.4	2.5	2.8	-	-	-0.4	0.6	7.6	111.9
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	70,536 (3.0)	0.0	11.5	11.0	-4.5	15.9	15.3	1.6	1.5	0.3	0.6	5.0	5.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	60,691 (2.6)	46.1	15.0	14.1	-17.5	19.0	18.2	2.8	2.6	-0.8	-1.2	0.3	-7.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,180 (0.9)	31.4	11.9	10.1	-10.5	14.4	19.8	1.9	1.9	-0.7	-4.6	-10.1	4.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,691 (0.2)	34.1	14.9	6.1	-5.1	6.9	15.7	-	-	0.6	0.0	-1.8	27.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	632,361 (26.9)	18.0	18.5	12.5	21.9	9.2	11.7	1.5	1.4	2.7	1.3	24.5	49.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	101,736 (4.3)	36.5	9.3	10.6	-0.5	11.8	10.9	1.0	1.0	0.7	0.0	7.6	-17.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	123,258 (5.2)	46.5	12.0	8.9	-4.5	11.6	15.8	1.4	1.4	0.5	1.5	8.1	3.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	278,921 (11.9)	38.9	-	14.7	67.9	-0.7	6.7	1.0	0.9	0.6	-0.6	8.5	48.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	61,394 (2.6)	97.2	15.8	13.5	17.2	6.2	7.2	-	-	3.2	1.8	-2.2	64.0
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	34,118 (1.4)	4.6	16.5	16.0	-51.0	12.9	11.9	2.0	1.9	1.1	5.8	3.1	27.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	133,189 (5.7)	39.9	42.1	13.2	-11.9	4.6	7.9	1.0	0.9	-1.4	3.7	5.4	42.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	80,887 (3.4)	35.9	8.5	7.5	2.2	14.5	14.5	1.1	1.0	-0.8	2.2	8.3	6.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	168,927 (7.2)	0.0	22.2	12.7	14.4	11.1	17.5	2.5	2.2	0.2	-1.3	5.2	1.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	65,279 (2.8)	0.0	14.0	11.3	2.4	20.3	22.4	2.5	2.2	-0.4	-1.5	0.0	-18.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,647 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	-0.7	8.2	56.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	73,233 (3.1)	30.3	90.2	25.1	-75.2	4.7	16.3	4.6	3.8	3.0	10.3	31.5	25.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,537 (1.4)	34.6	11.4	11.4	41.2	17.6	15.8	1.9	1.6	2.3	3.7	6.1	25.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,404 (0.2)	45.4	13.9	12.9	10.7	25.6	24.6	3.5	3.0	2.0	0.6	20.2	56.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	81,677 (3.5)	0.0	16.0	13.2	15.5	27.5	28.0	3.9	3.4	0.0	-1.1	1.2	11.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.